


HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

----------

NGÔ THỊ HƯƠNG THẢO

**HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ
VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 9.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Công trình được hoàn thành tại

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

-----∞-----

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS,TS. Đoàn Hương Quỳnh**
2. TS. Trần Đức Trung

Phản biện 1.....
.....

Phản biện 2.....
.....

Phản biện 3.....
.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Học viện

Địa điểm: Phòng bảo vệ luận án tiến sĩ, phòng

Thời gian vào hội.....giờ.....ngày.....thángnăm 2021

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Hà Nội
- Thư viện Học viện Tài chính

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài luận án

Ngày nay, phát triển DNNVV đã và đang trở thành yêu cầu tất yếu trong chiến lược của mỗi quốc gia. Để hoạt động và phát triển, DNNVV phải huy động nhằm tăng vốn chủ sở hữu và nợ phải trả, tăng quy mô tổng nguồn vốn.

Sau 34 năm đổi mới, phát triển DNNVV được xác định là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược xây dựng nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta. Hiện nay, DNNVV phát triển mạnh ở tất cả các địa phương, ngành, lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó Hà Nội chiếm khoảng 25%. Trên địa bàn Hà Nội, DNNVV chiếm trên 97% tổng số DN, đóng góp khoảng 40% GRDP, 51% tổng việc làm. Tuy nhiên, phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội đang bộc lộ những hạn chế, thiếu vốn và khó khăn trong huy động vốn là vấn đề nan giải cần được tháo gỡ từ chính DNNVV, các tổ chức cung ứng vốn và các cơ quan quản lý nhà nước.

Để góp phần nghiên cứu làm sáng rõ hơn lý luận và thực tiễn huy động vốn để phát triển DNNVV, đồng thời chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân hạn chế, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội, NCS lựa chọn vấn đề: “*Huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội*” làm đề tài luận án của mình.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến luận án.

Những năm qua, trên thế giới và Việt Nam, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận, thực tiễn phát triển DNNVV, nguồn vốn và huy động vốn của DNNVV dưới nhiều khía cạnh, ở phạm vi không gian và thời gian khác nhau. Song chưa có công trình nào nghiên cứu đầy đủ về “Huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

Đánh giá tổng quan về nội dung, mục đích, đối tượng, phương pháp tiếp cận các công trình nghiên cứu các tác giả trong và ngoài nước cho thấy:

Thứ nhất, Các nghiên cứu đã làm rõ khái niệm, đặc điểm, ưu điểm và hạn chế của DNNVV, vai trò của DNNVV đối với phát triển kinh tế - xã hội tương ứng với giai đoạn nghiên cứu. DNNVV có lợi thế quy mô nhỏ, tính linh hoạt và khả năng thích ứng cao với biến động của thị trường, dễ khởi sự, dễ len lỏi vào các thị trường “ngách” để phát triển, song cũng có hạn chế xuất phát từ quy mô vốn nhỏ.

Thứ hai, Các nghiên cứu luận giải phát triển DNNVV là tăng về số lượng, quy mô, trình độ công nghệ, đóng góp của DNNVV trong GDP, thu NSNN,... Xuất phát từ những góc độ nghiên cứu khác nhau, song các nghiên cứu đều cho rằng, phát triển DNNVV là tăng trưởng của DNNVV về mặt lượng và mặt chất.

Thứ ba, Các nghiên cứu phân tích nhân tố ảnh hưởng đến phát triển DNNVV. Đó là các nhân tố vĩ mô (môi trường thể chế, chính sách của Chính phủ, môi trường cạnh tranh) và các nhân tố vi mô (khả năng của DNNVV về vốn, công nghệ, năng lực quản lý và quản trị của chủ DN, khả năng tiếp cận thị trường của DN...)

Thứ tư, Nghiên cứu nguồn vốn, hoạt động cung ứng vốn của các tổ chức cung ứng vốn. Chỉ ra ưu điểm, hạn chế từ mỗi nguồn cung ứng vốn cho DNNVV. Các nghiên cứu đều nhận định, vốn chủ sở hữu của DNNVV hạn chế nên phải huy động vốn nợ để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động và phát triển. Từ thực trạng đó, các nghiên cứu chỉ ra khó khăn của DNNVV khi huy động các nguồn vốn.

Xuất phát từ đánh giá các công trình nghiên cứu hiện có về nguồn vốn của DNNVV, phát triển DNNVV ở Việt Nam và Hà Nội, NCS lựa chọn nghiên cứu huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội với mục đích đề xuất giải pháp hoàn thiện huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội.

Từ tổng quan các công trình nghiên cứu và thực tế huy động vốn của DNNVV trên địa bàn Hà Nội hiện nay, NCS lựa chọn nghiên cứu theo hướng đề xuất các giải pháp hoàn thiện huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

3.1. Mục tiêu nghiên cứu: Đề xuất giải pháp huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Một, Hệ thống hóa lý luận huy động vốn, lý luận phát triển DNNVV, gắn kết huy động vốn và phát triển DNNVV. Thông qua kinh nghiệm huy động vốn để phát triển DNNVV của một số nước và một số tỉnh (thành), luận án rút ra bài học kinh nghiệm huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Hai, Phân tích, đánh giá thực trạng huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019 từ đó chỉ ra hạn chế, nguyên nhân hạn chế trong huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội.

Ba, Đề xuất giải pháp hoàn thiện huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030.

4. Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Đối tượng nghiên cứu: Huy động vốn để phát triển DNNVV

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi không gian:* Luận án nghiên cứu hoạt động huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội, gồm: huy động vốn chủ sở hữu và nợ phải trả.

- *Phạm vi thời gian:* Luận án đánh giá huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019 và đưa ra định hướng, giải pháp huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội đến 2025, tầm nhìn đến 2030.

- *Phạm vi về đối tượng và nội dung nghiên cứu:*

+ Phạm vi của đề tài khá rộng, luận án không phân tích chi phí huy động vốn.

+ Tiêu thức phân loại DNNVV Việt Nam theo Luật hỗ trợ DNNVV Quốc hội ban hành ngày 12/6/2017 dựa trên quy mô vốn và lao động. Nghị định số 39/2018 NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/3/2018 dựa theo ngành hoạt động của DNNVV. Trên thực tế, DNNVV còn

được phân loại theo hình thức tổ chức pháp lý, nên khi phân tích cơ cấu nguồn vốn, luận án phân loại huy động vốn theo hình thức pháp lý của DNNVV.

4.3. Phương pháp nghiên cứu của luận án

Để hoàn tất các nhiệm vụ nghiên cứu, luận án dựa trên nền tảng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử đồng thời sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học chung (phân tích, tổng hợp, logic, khái quát hóa) kết hợp với phương pháp nghiên cứu của khoa học kinh tế (thống kê, thu thập số liệu, phân tích đánh giá, biểu, bảng để minh họa cho số liệu phân tích). Cụ thể:

- Phương pháp hệ thống hóa được luận án sử dụng xuyên suốt để nghiên cứu, phân tích các kết quả nghiên cứu lý luận, thực tiễn về huy động vốn và phát triển DNNVV; kế thừa chọn lọc các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp được luận án sử dụng để nghiên cứu lý luận huy động vốn để phát triển DNNVV. Phương pháp phân tích, tổng hợp kết hợp sử dụng bảng, biểu và tính toán từ các dữ liệu thu thập được sử dụng để phân tích và đánh giá thực trạng huy động vốn để phát triển DNNVV giai đoạn 2010 - 2019, đồng thời đề xuất giải pháp huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội.

- Phương pháp thống kê, so sánh là phương pháp chủ đạo được luận án sử dụng để phân tích, đánh giá, so sánh thực trạng huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019.

- Để đánh giá kết quả huy động vốn, kết quả phát triển DNNVV, luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng - mô hình Dupont nhằm phân tích mối quan hệ giữa kết quả huy động vốn với phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội thông qua các chỉ tiêu tài chính. Phương pháp khảo sát được NCS sử dụng bằng “Phiếu thu thập thông tin DNNVV” nhằm chỉ rõ hạn chế, nguyên nhân hạn chế trong huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019 làm cơ sở đề xuất các giải pháp.

5. Những đóng góp mới của luận án:

5.1. Về lý luận

- Luận án hoàn thiện hơn các khái niệm: huy động vốn, phát triển DNNVV, huy động vốn để phát triển DNNVV.

- Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả huy động vốn, kết quả phát triển DNNVV cả về định lượng và định tính.

5.2. Về thực tiễn

- Luận án phác họa đầy đủ hơn “bức tranh” thực trạng huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019.

- Đánh giá thực trạng, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019.

- Từ đặc điểm và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thủ đô Hà Nội, luận án đề xuất định hướng, quan điểm và giải pháp hoàn thiện huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030.

6. Kết cấu của luận án: Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, các biểu bảng và phụ lục, luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương 2: Thực trạng huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1. 1. Vốn và nguồn vốn của doanh nghiệp

1.1.1. *Khái niệm, vai trò của vốn đối với doanh nghiệp*

1.1.1.1. *Khái niệm:* Vốn của DN là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ giá trị tài sản được huy động, sử dụng vào hoạt động SXKD của DN nhằm mục đích sinh lời.

1.1.1.2. *Vai trò của vốn đối với doanh nghiệp:*

Vốn là điều kiện tiên quyết, đóng vai trò quyết định trong việc thành lập, hoạt động, phát triển của tất cả loại hình DN; Vốn là tiêu thức cơ bản để phân loại DN, là một trong những điều kiện quan trọng để DN sử dụng hiệu quả các nguồn lực; Vốn là yếu tố giá trị, là cơ sở để DN mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, là điều kiện để DN hoạch định chiến lược, kế hoạch hoạt động SXKD.

1.1.2. *Phân loại nguồn vốn của doanh nghiệp*

Theo quan hệ sở hữu, vốn của DN gồm vốn chủ sở hữu và nợ phải trả; Theo thời gian huy động và sử dụng, gồm: nguồn vốn thường xuyên và nguồn vốn tạm thời; Theo phạm vi huy động, gồm: nguồn vốn nội sinh và nguồn vốn ngoại sinh.

1.2. Huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.1. *Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*

1.2.1.1. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

- *Khái niệm:* Doanh nghiệp nhỏ và vừa - DNNVV, viết tắt là SMEs - Small and Medium enterprises) được sử dụng phổ biến ở tất cả các nước trên thế giới và Việt Nam. Ở các nước khác nhau, khái niệm DNNVV được hiểu khác nhau. Trên thế giới, việc xác định DNNVV chỉ mang tính tương đối, phụ thuộc trình độ phát triển kinh tế, tính chất ngành nghề, mục đích phân loại của mỗi quốc gia. Song, ở mọi nước, DNNVV được xác định dựa trên hai tiêu chí: định lượng và định tính.

Ở Việt Nam, tiêu thức phân loại DNNVV thay đổi qua các thời kỳ gắn với trình độ phát triển kinh tế. Trước năm 2018, tiêu chí phân loại DNNVV thực hiện theo Nghị định 56/2009-CP; từ năm 2018 đến nay, thực hiện theo Luật hỗ trợ DNNVV Quốc hội ban hành ngày 12/6/2017 cụ thể: “DNNVV bao gồm DN siêu nhỏ, DN nhỏ và DN vừa có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân trong năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí: Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng; hoặc tổng doanh thu của năm

trước liền kề không quá 300 tỷ đồng. DN siêu nhỏ, DN nhỏ và DN vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ”. Nghị định số 39/2018 NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/3/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV.

- *Đặc trưng cơ bản của DNNVV:*

DNNVV có quy mô vốn và lao động nhỏ; DNNVV hoạt động ở lĩnh vực đòi hỏi ít vốn, thời gian chu chuyển vốn nhanh; Tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hiệu quả; DNNVV có thị phần không lớn, khả năng chi phối thị trường không cao.

- *Ưu thế, hạn chế của DNNVV.*

+ *Ưu thế của DNNVV:* Ở mọi quốc gia, DNNVV đều có ưu thế: Năng động, nhạy bén, thích ứng nhanh với biến động của thị trường; Dễ dàng được tạo lập và hoạt động hiệu quả với chi phí cố định thấp; Bộ máy quản lý gọn nhẹ, chi phí quản lý thấp; Khai thác tốt nguồn lực sẵn có và thế mạnh của địa phương; Có khả năng thay đổi phương án SXKD, mặt hàng, mẫu mã, thị phần và chuyển đổi công nghệ mới.

+ *Hạn chế của DNNVV:* DNNVV có các hạn chế: Năng lực tài chính và khả năng tích lũy vốn thấp; Trình độ công nghệ lạc hậu, năng suất lao động thấp; Trình độ quản lý, năng lực quản trị của chủ DN, kỹ năng của người lao động thấp; Hoạt động SXKD không bền vững, nguồn kinh phí cho ứng dụng công nghệ, tiếp cận thị trường thấp.

- *Vai trò của DNNVV đối với phát triển kinh tế - xã hội.*

+ *Về khía cạnh kinh tế:* DNNVV góp phần tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội; Thu hút vốn và các nguồn lực sẵn có vào đầu tư; Chuyển dịch, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý; Tăng cường các mối quan hệ kinh tế tạo cơ sở ra đời các DN lớn.

+ *Về khía cạnh xã hội:* DNNVV góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội; Hình thành đội ngũ doanh nhân giỏi.

1.2.1.2. Nội dung phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

* *Khái niệm:* Phát triển DNNVV là quá trình tăng trưởng về lượng, thay đổi về chất của cấu trúc bên trong từng DNNVV gắn với tăng số lượng, tỷ trọng DNNVV và tăng đóng góp của khu vực DNNVV về kinh tế - xã hội phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế hiện nay.

Phát triển DNNVV được biểu hiện trên hai mặt: định lượng và định tính đồng thời thể hiện đối với từng DNNVV và khu vực DNNVV.

* *Nội dung phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

Thứ nhất, Phát triển DNNVV về định lượng

- *Phát triển từng DNNVV bao gồm:*

- + Tăng quy mô tổng tài sản hay tổng nguồn vốn của từng DNNVV
- + Tăng quy mô hay số lượng lao động hoạt động trong từng DNNVV
- + Tăng năng lực và hiệu quả hoạt động của từng DNNVV

- *Phát triển khu vực DNNVV bao gồm:*

- + Tăng số lượng và tỷ trọng DNNVV trong tổng số DN đang hoạt động

+ Tăng đóng góp của khu vực DNNVV trong GDP, trong NSNN, tạo việc làm.

Thứ hai, Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa về định tính

- *Phát triển từng DNNVV:*

+ Nâng cao trình độ quản lý, năng lực quản trị của chủ DNNVV

+ Tăng khả năng của DNNVV trong thụ hưởng các chính sách của Chính phủ

- *Phát triển khu vực DNNVV là chuyển dịch hay cấu trúc lại khu vực DNNVV:*

+ DNNVV hướng vào các ngành nghề, lĩnh vực khai thác lợi thế của mỗi nước

+ DNNVV khu vực ngoài nhà nước ngày càng tăng

1.2.2. Huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Huy động vốn để phát triển DNNVV là hoạt động của DNNVV trong việc tiếp cận, thu hút các nguồn vốn của nền kinh tế nhằm tăng quy mô tổng nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh để phát triển DNNVV.

Đối với từng DNNVV, huy động vốn là hoạt động đánh giá, lựa chọn quyết định huy động vốn nhằm đạt mục tiêu hoạt động của DN. Quyết định huy động vốn của DN gồm: Quyết định về quy mô vốn, cơ cấu nguồn vốn, lựa chọn hình thức huy động vốn và quyết định về mô hình tài trợ vốn cho từng loại tài sản phù hợp với đặc thù và mục tiêu của DN trong từng thời kỳ nhằm đạt hiệu quả tối ưu.

Đối với khu vực DNNVV, huy động vốn là hoạt động của các DNNVV nhằm thu hút các nguồn vốn để tăng quy mô tổng nguồn vốn của khu vực DNNVV.

Nguồn vốn huy động của DNNVV bao gồm: vốn chủ sở hữu và nợ phải trả

1.2.2.1. Huy động vốn chủ sở hữu để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Huy động vốn chủ sở hữu để phát triển DNNVV là hoạt động của chủ DN trong thu hút tối đa nguồn vốn từ các bộ phận cấu thành vốn chủ sở hữu nhằm tăng quy mô vốn chủ sở hữu, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động, phát triển DNNVV.

Huy động vốn chủ sở hữu bao gồm: Huy động vốn góp ban đầu của chủ sở hữu và huy động tăng thêm vốn chủ sở hữu. Cụ thể:

Thứ nhất, Huy động vốn góp ban đầu của chủ sở hữu. Vốn góp ban đầu (Initial Capital) của chủ sở hữu là phần vốn do chủ sở hữu đóng góp khi thành lập DN. Vốn chủ sở hữu khi thành lập DN chỉ có vốn điều lệ, đó là số vốn ghi trong điều lệ hoạt động DN. Theo quy định của pháp luật, vốn điều lệ tối thiểu phải bằng mức vốn pháp định (số vốn tối thiểu cần thiết để thành lập DN) được quy định cụ thể đối với từng ngành nghề kinh doanh trong từng thời kỳ ở mỗi quốc gia. Hình thức sở hữu sẽ quyết định tính chất và hình thức tạo vốn chủ sở hữu của DN.

Thứ hai, Huy động tăng thêm vốn chủ sở hữu. Khi DNNVV đã đi vào hoạt động, để tăng quy mô tổng nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho SXKD, DNNVV phải huy động tăng thêm vốn chủ sở hữu. Huy động tăng thêm vốn chủ sở hữu phụ thuộc loại hình hoạt động của DNNVV và được thực hiện bằng hai hình thức: huy động vốn chủ sở hữu nội sinh và huy động vốn chủ sở hữu ngoại sinh, cụ thể:

* *Huy động vốn chủ sở hữu nội sinh* là hoạt động của chủ DNNVV huy động tăng thêm vốn chủ sở hữu từ các bộ phận cấu thành vốn chủ sở hữu của DN, gồm:

- Huy động tăng thêm vốn góp của chủ sở hữu
- Huy động tăng thêm vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận để lại sau thuế
- Huy động tăng thêm vốn chủ sở hữu từ các quỹ bên trong của DNNVV

* *Huy động vốn chủ sở hữu ngoại sinh* là hoạt động của chủ DNNVV huy động các nguồn vốn bên ngoài DN nhằm bổ sung tăng thêm vốn chủ sở hữu, gồm:

- DNNVV kết nạp thêm thành viên mới để tăng vốn chủ sở hữu
- DNNVV phát hành cổ phiếu mới bán ra để tăng vốn chủ sở hữu

1.2.2.2. Huy động nợ phải trả để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Nợ phải trả của DNNVV bao gồm: Nợ vay, các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp, người lao động, nghĩa vụ của DN với Nhà nước (thuế, bảo hiểm, phí...).

DNNVV huy động nợ phải trả phải bỏ ra một khoản chi phí gọi là chi phí huy động vốn vay. Điều này làm tăng thêm gánh nặng nợ và áp lực thanh toán cho DN, tuy nhiên chi phí sử dụng vốn vay thường thấp hơn chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu do lãi suất ngân hàng và lãi suất trái phiếu thường thấp hơn so với lãi suất kỳ vọng của nhà đầu tư, đồng thời DN nhận được lợi ích từ “tấm lá chắn thuế”.

DNNVV huy động nợ phải trả để tăng quy mô vốn nợ, bao gồm:

- DNNVV huy động vốn từ ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính
- DNNVV huy động vốn từ phát hành trái phiếu DN
- DNNVV huy động vốn từ tín dụng thương mại của nhà cung cấp
- DNNVV huy động vốn từ các khoản nợ có tính chu kỳ
- DNNVV huy động vốn từ thuê tài sản.
- DNNVV huy động vốn từ nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ
- DNNVV huy động từ các nguồn khác: vay người thân, ngân hàng hợp tác xã

1.2.3. Nguyên tắc huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Mỗi DNNVV phải lựa chọn hình thức huy động vốn phù hợp nhằm hình thành cơ cấu nguồn vốn hợp lý. Để hình thành cơ cấu nguồn vốn tối ưu, DNNVV khi huy động vốn cần tuân thủ 5 nguyên tắc, đó là: Nguyên tắc đảm bảo tính tương thích; Nguyên tắc cân đối giữa lợi nhuận và rủi ro; Nguyên tắc đảm bảo quyền kiểm soát của chủ doanh nghiệp; Nguyên tắc tài trợ linh hoạt; Nguyên tắc tối thiểu hoá chi phí sử dụng vốn.

1.2.4. Chỉ tiêu phản ánh huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.2.4.1. Chỉ tiêu phản ánh huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

* Thứ nhất, *Chỉ tiêu định lượng phản ánh huy động vốn của DNNVV*

- *Chỉ tiêu phản ánh huy động vốn của từng DNNVV:*
 - + Hệ số nợ: thể hiện việc sử dụng nợ cũng như mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính
 - + Hệ số vốn chủ sở hữu: thể hiện khả năng tự chủ tài chính của DNNVV
 - + Tốc độ tăng vốn chủ sở hữu
 - + Tốc độ tăng nợ phải trả

- *Chỉ tiêu phản ánh huy động vốn của khu vực DNNVV:*

Tốc độ tăng quy mô nguồn vốn của khu vực DNNVV

* *Thứ hai, Chỉ tiêu định tính phản ánh huy động vốn của DNNVV*

- *Chỉ tiêu phản ánh huy động vốn của từng DNNVV:*

+ Tăng khả năng huy động các nguồn vốn trong nền kinh tế của từng DNNVV.

+ DNNVV tham gia chuỗi giá trị hoặc trở thành DN “vệ tinh” của DN lớn

- *Chỉ tiêu định tính phản ánh huy động vốn của khu vực DNNVV:*

+ Khu vực DNNVV tăng cơ hội thụ hưởng các chính sách của Chính phủ.

+ Tăng sự liên kết giữa các DNNVV, giữa khu vực DNNVV với các DN lớn

1.2.4.2. Chỉ tiêu phản ánh phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

* *Thứ nhất, Chỉ tiêu định lượng phản ánh phát triển DNNVV*

- *Chỉ tiêu phản ánh phát triển từng DNNVV:*

+ Tốc độ tăng tổng tài sản (hay tổng nguồn vốn) của từng DNNVV

+ Tốc độ tăng số lượng (hay quy mô) lao động trong từng DNNVV

+ Chỉ tiêu phản ánh năng lực hoạt động của từng DNNVV: Hệ số trang bị TSCĐ, giá trị TSCĐ và đầu tư tài chính dài hạn.

+ *Chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động, phát triển của từng DNNVV:* Vòng quay toàn bộ vốn (Htq), tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (BEP), tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên VKD (T_{SV}), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên VKD (ROA), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS)

- *Chỉ tiêu phản ánh phát triển khu vực DNNVV:*

+ Tỷ trọng khu vực DNNVV trong tổng DN hoạt động của nền kinh tế

+ Đóng góp của khu vực DNNVV trong GDP, trong NSNN và tạo việc làm

* *Thứ hai, Chỉ tiêu định tính phản ánh phát triển DNNVV*

- *Chỉ tiêu phản ánh phát triển từng DNNVV:*

+ Trình độ quản lý, năng lực quản trị của chủ DN

+ Khả năng của từng DNNVV trong thụ hưởng các chính sách của Chính phủ

- *Chỉ tiêu định tính phản ánh phát triển khu vực DNNVV:*

+ Khu vực DNNVV hoạt động hướng vào các ngành, lĩnh vực Hà Nội có lợi thế

+ DNNVV hoạt động ở khu vực ngoài nhà nước ngày càng tăng

1.2.5. Nhân tố ảnh hưởng huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.5.1. Nhân tố bên trong: Đặc điểm của DN và chủ DNNVV; Tình hình tài chính, hiệu quả kinh doanh, tài sản đảm bảo, doanh thu và lợi nhuận của DNNVV.

1.2.5.2. Nhân tố bên ngoài: Môi trường kinh tế vĩ mô, hệ thống pháp luật; Chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ; Chính sách cho vay của NHTM, TCTC; Triển vọng phát triển thị trường vốn; Định hướng hỗ trợ DNNVV của Chính phủ.

1.3. Kinh nghiệm huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.3.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia có điểm tương đồng với Việt Nam

1.3.1.1. Kinh nghiệm huy động vốn để phát triển DNNVV ở Trung Quốc

- DNNVV huy động trái phiếu DN bằng chính sách “bảo lãnh qua liên kết”
- DNNVV thụ hưởng nguồn vốn hỗ trợ từ chính sách ưu đãi của Chính phủ

1.3.1.2. Kinh nghiệm huy động vốn để phát triển DNNVV ở Nhật Bản

- DNNVV phát hành cổ phiếu và các giấy tờ có giá ra công chúng
- DNNVV tích cực huy động vốn trên TTCK qua sàn giao dịch thứ cấp
- DN ứng dụng công nghệ tiên tiến, tăng năng lực sản xuất, sức cạnh tranh
- DNNVV tiếp cận kênh tài trợ vốn trực tiếp dành cho phát triển DNNVV

1.3.1.3. Kinh nghiệm huy động vốn để phát triển DNNVV của Malaysia

- DNNVV chú trọng thu hút vốn thông qua phát hành trái phiếu DN
- DNNVV tích cực tham gia vào các Hiệp hội để được vay vốn từ chính sách bảo lãnh

tín dụng của Chính phủ.

1.3.1.4. Kinh nghiệm huy động vốn để phát triển DNNVV của Thái Lan

- DNNVV tham gia “Các chương trình phát triển DNNVV” của Chính phủ.
- DNNVV tích cực đổi mới phù hợp để thích nghi các quy luật thị trường

1.3.2. Kinh nghiệm huy động vốn để phát triển DNNVV của một số Tỉnh

Luận án nghiên cứu kinh nghiệm huy động vốn để phát triển DNNVV của một số tỉnh có điểm tương đồng với Hà Nội như: thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, từ đó rút ra bài học cho DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội.

1.3.3. Bài học kinh nghiệm về huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

- DNNVV chủ động tiếp cận các kênh tài trợ vốn trực tiếp của Chính phủ
- DNNVV tích cực đầu tư đổi mới kỹ thuật, ứng dụng công nghệ tiên tiến
- DNNVV chủ động tham gia vào các tổ chức Hiệp hội
- DNNVV tham gia tích cực trong chuỗi giá trị
- DNNVV huy động vốn bằng phát hành trái phiếu DN và huy động vốn trên TTCK
- DNNVV nâng cao năng lực tham gia vào môi trường luật pháp bình đẳng

Kết luận chương 1

Chương 2

THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Tổng quan về tình hình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội

2.1.1. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội

Hình 2.1.



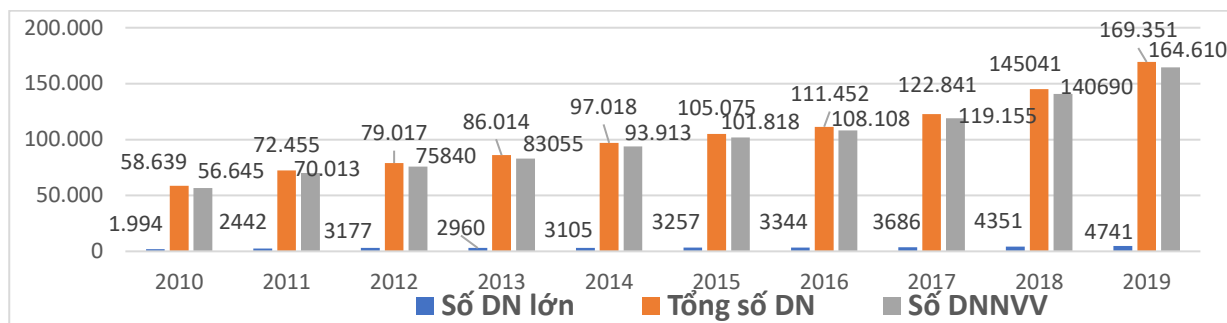
Nguồn: Báo cáo phát triển kinh tế xã hội 2019 và 10 năm mở rộng Hà Nội

Năm 2019, GRDP của thành phố Hà Nội đạt 16,46% GDP cả nước và 51,1% tại vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; Thu ngân sách của Hà Nội đạt 19,05% thu ngân sách cả nước và 54,1% thu ngân sách tại vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

2.1.2. Tình hình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội.

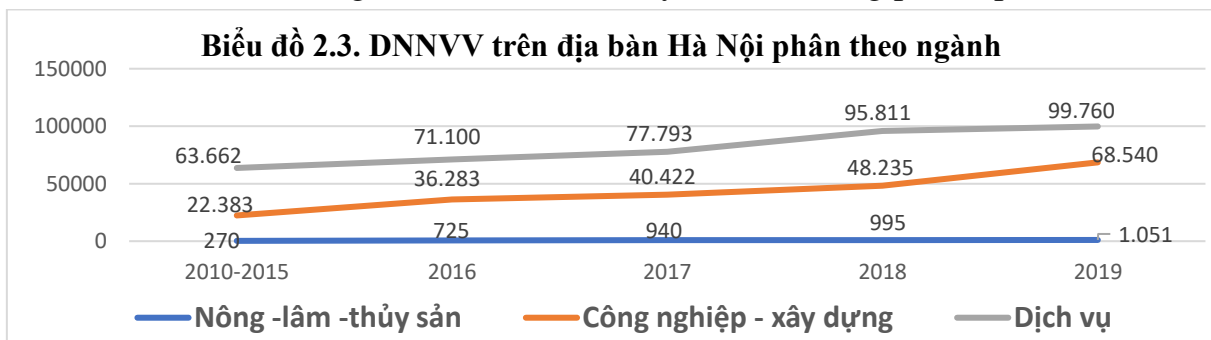
- Giai đoạn 2010 - 2019, số lượng DNNVV trên địa bàn Hà Nội tăng nhanh

Biểu đồ 2.2. Số lượng DNNVV trên địa bàn Hà Nội đang hoạt động



Nguồn: Tổng cục Thống kê - Niên giám Thống kê, Sách trắng DN năm 2020

- Cơ cấu DNNVV theo ngành kinh tế dịch chuyển theo hướng phù hợp (Biểu đồ 2.3)



Nguồn: Tổng cục Thống kê - Niên giám Thống kê, Sách trắng DN năm 2020

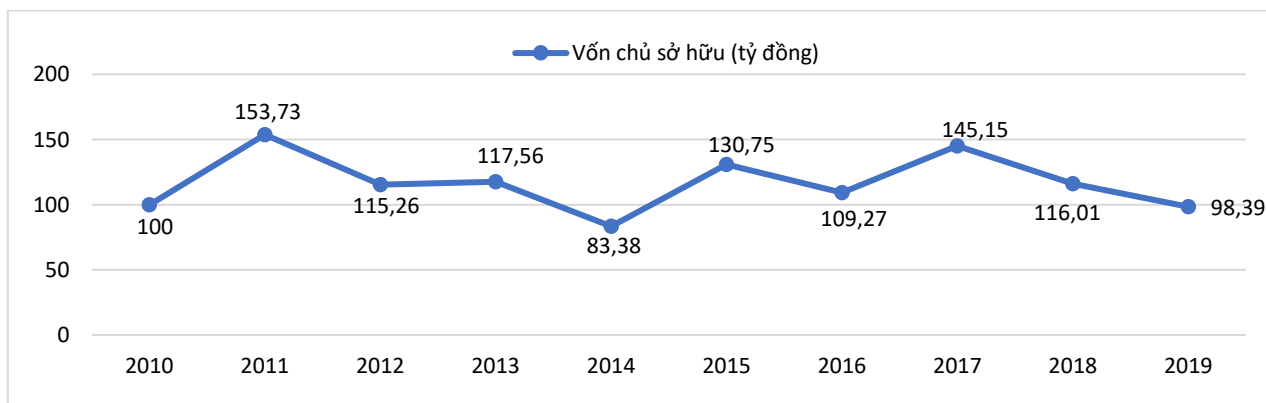
2.2. Thực trạng huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.2.1. Phân tích thực trạng huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.2.1.1. Huy động vốn chủ sở hữu để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Quy mô vốn chủ sở hữu của DNNVV năm 2019 tăng 311% so với năm 2010, thể hiện ở biểu đồ 2.5

Biểu đồ 2.5. Tốc độ tăng quy mô vốn chủ sở hữu của DNNVV



Nguồn: Niên giám Thống kê, Sách trắng DN năm 2020 và tính toán của NCS

- Giai đoạn 2010 - 2019, DNNVV có ($0,449 < \text{hệ số vốn chủ sở hữu} < 0,555$), phản ánh khả năng tự chủ tài chính của DNNVV trên địa bàn Hà Nội cao.
- Cơ cấu vốn chủ sở hữu của DNNVV phân theo khu vực NN và khu vực ngoài NN, trong đó vốn chủ sở hữu DNNVV ngoài NN ngày càng tăng, thể hiện ở bảng 2.11

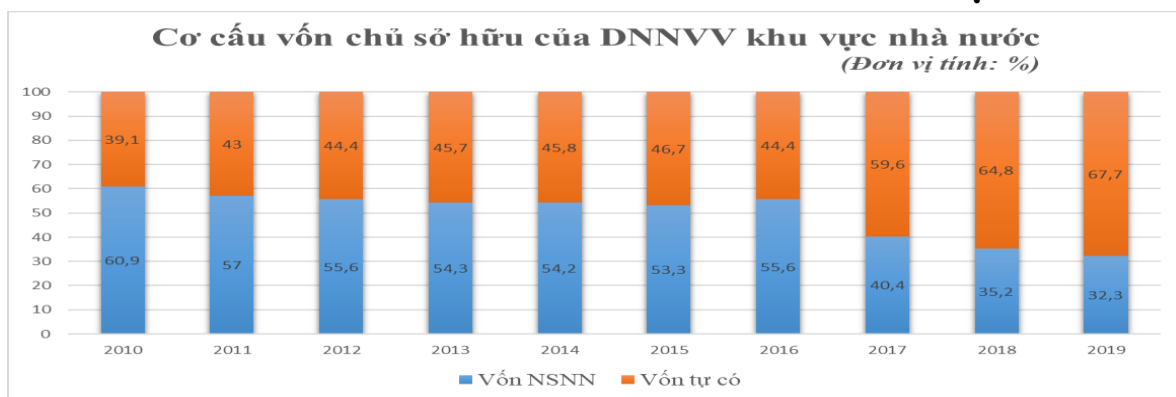
Bảng 2.11. Vốn chủ sở hữu của DNNVV phân theo DNNN và DN ngoài NN
(Đơn vị tính %)

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Vốn chủ sở hữu	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
DNNN	84,7	66,1	64,3	59,8	59,6	56,9	55,7	47,4	44,1	42,3
DN ngoài nhà nước	15,3	33,9	35,7	40,2	40,4	43,1	44,3	52,6	55,9	57,7

Nguồn: Niên giám Thống kê, Sách trắng DN năm 2020 và tính toán của NCS

Quy mô vốn chủ sở hữu của DNNVV khu vực NN tăng, trong đó vốn tự có ngày càng tăng và vốn NSNN cấp ngày càng giảm, thể hiện ở biểu đồ 2.6.

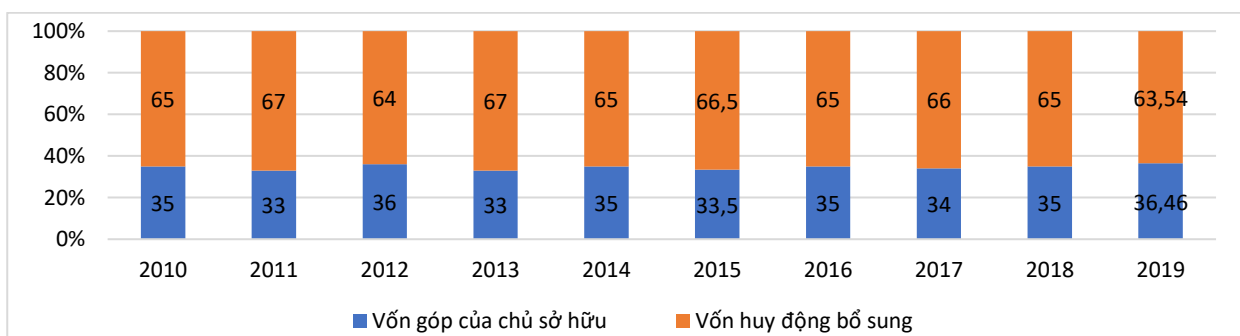
Biểu đồ 2.6. Cơ cấu vốn chủ sở hữu của DNNVV khu vực NN



Nguồn: Niên giám Thống kê, Sách trắng DN năm 2020 và tính toán của NCS

Quy mô vốn chủ sở hữu của DNNVV khu vực ngoài NN tăng bằng huy động vốn góp ban đầu của chủ sở hữu và huy động tăng thêm vốn chủ sở hữu.

Biểu đồ 2.7. Cơ cấu vốn chủ sở hữu của DNNVV ngoài NN
(Đơn vị tính: %)



Nguồn: Niên giám Thống kê, Sách trắng DN năm 2020 và tính toán của NCS

2.2.1.2. Huy động nợ phải trả để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Các khoản nợ phải trả của DNNVV là số tiền DN đi vay nhằm bổ sung phần thiếu hụt vốn và các khoản nợ phải trả phát sinh trong các quan hệ giao dịch thanh toán. Các khoản nợ phải trả của DNNVV gồm: Nợ vay NHTM, TCTC; Nợ phải trả nhà cung cấp; Nợ trái

phiếu DN; Nợ có tính chu kỳ; Một số khoản nợ khác. Hệ số nợ của DNNVV trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019 thể hiện ở bảng 2.14.

Bảng 2.14. Hệ số nợ bình quân của DNNVV trên địa bàn Hà Nội

(Đơn vị tính: %)

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Hệ số nợ	0,532	0,5	0,482	0,482	0,498	0,478	0,488	0,488	0,485	0,504

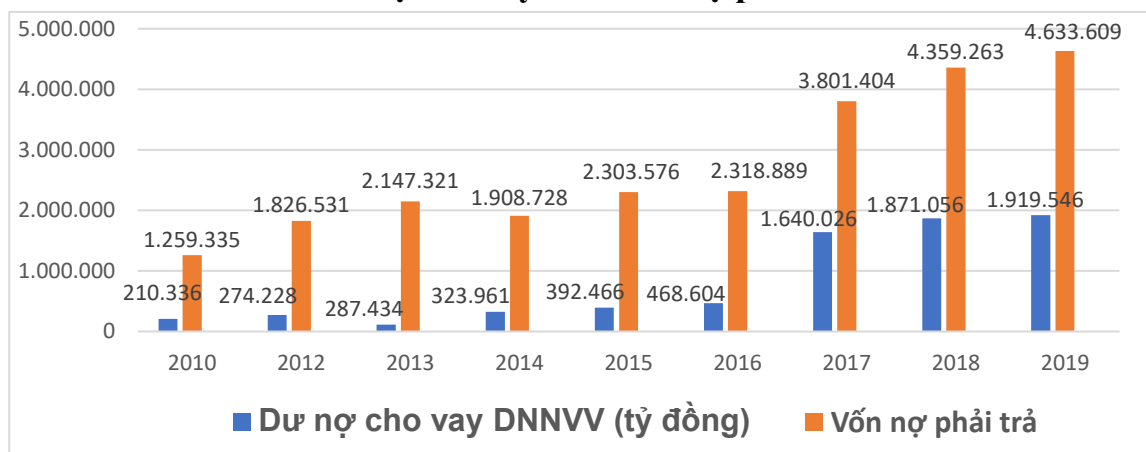
Nguồn: Báo cáo phát triển DNNVV Hà Nội 2010 - 2018, Sách trắng DN năm 2020

Giai đoạn 2010 - 2019, DNNVV trên địa bàn Hà Nội có hệ số nợ thấp (46,5% < hệ số nợ < 53,2%) chứng tỏ DNNVV chưa huy động tốt các nguồn vốn vay và khả năng sử dụng các nguồn tài trợ chưa hiệu quả.

*** Một, Thực trạng huy động vốn từ ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính**

Tỷ trọng vốn huy động từ NHTM, TCTC trong nợ phải trả của DNNVV cao

Biểu đồ 2.8. Dư nợ cho vay DNNVV/nợ phải trả của DNNVV Hà Nội



Nguồn: Báo cáo cho vay DNNVV giai đoạn 2010 - 2018 và năm 2019

*** Hai, Thực trạng huy động vốn từ phát hành trái phiếu doanh nghiệp**

Quy mô vốn của DNNVV trên địa bàn Hà Nội từ phát hành trái phiếu DN tăng. Tuy nhiên, tỷ trọng vốn huy động từ phát hành trái phiếu DN của DNNVV trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019 thấp, chiếm khoảng 1,3% tổng nợ phải trả.

Bảng 2.18. Nguồn vốn DNNVV huy động từ trái phiếu DN

(Đơn vị tính: Tỷ đồng, %)

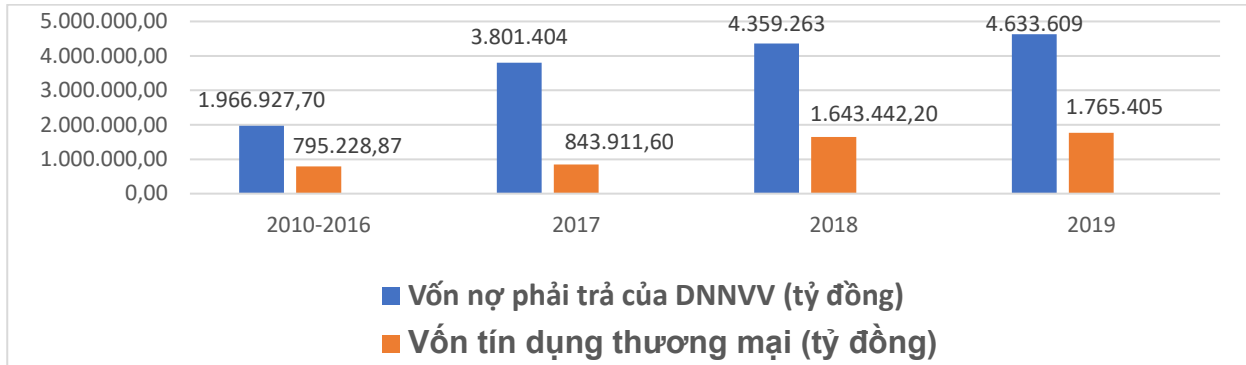
Bình quân 1 năm	Nợ phải trả	Vốn từ trái phiếu DN	Vốn trái phiếu DN/nợ phải trả (%)
2010-2016	1.966.927,7	10.094,15	0,513
2017	3.801.404	51.452,5	1,35
2018	4.359.263	59.122,1	1,356
2019	4.633.609	63.846,7	1,378

Nguồn: Tổng hợp từ Website của UNCK Nhà nước.

*** Ba, Thực trạng huy động vốn từ tín dụng thương mại của nhà cung cấp**

Giai đoạn 2010 - 2019, quy mô vốn DNNVV huy động từ tín dụng thương mại của nhà cung cấp tăng, tỷ trọng vốn huy động từ tín dụng thương mại của nhà cung cấp trong nợ phải trả của DNNVV trên địa bàn Hà Nội khá cao, thể hiện ở biểu đồ 2.11

Biểu đồ 2.10. Vốn tín dụng thương mại của nhà cung cấp DNNVV



Nguồn: Báo cáo phát triển DNNVV Hà Nội giai đoạn 2010- 2018 và năm 2019

*** Bốn, Thực trạng huy động vốn các khoản nợ phải trả có tính chu kỳ**

Quy mô vốn nợ có tính chu kỳ của DNNVV tăng, tuy nhiên tỷ trọng vốn nợ có tính chu kỳ trong nợ phải trả của DNNVV trên địa bàn Hà Nội giảm

Bảng 2.20. Nguồn vốn DNNVV huy động từ các khoản nợ có tính chu kỳ

(Đơn vị tính: tỷ đồng và %)

Bình quân 1 năm	Nợ phải trả	Vốn các khoản nợ có tính chu kỳ	Vốn các khoản nợ có tính chu kỳ/Nợ phải trả (%)
2010 - 2016	1.966.927,71	79.051,584	40,2
2017	3 801 404	669.017	17,59
2018	4.359.263	754.001,5	17,30
2019	4.633.609	755.168,3	16,3

Nguồn: Niên giám Thống kê, Sách trắng DN năm 2020 và tính toán của NCS

*** Năm, Thực trạng huy động vốn thuê tài sản để phát triển DNNVV**

Quy mô vốn thuê tài sản của DNNVV tăng từ 53.107 tỷ đồng/năm (giai đoạn 2010 - 2016) lên 129.741,1 tỷ đồng năm 2019 và chiếm tỷ trọng nhỏ trong vốn nợ.

Biểu đồ 2.11. Huy động vốn thuê tài sản của DNNVV/nợ phải trả



Nguồn: Báo cáo phát triển DNNVV Hà Nội giai đoạn 2010 - 2018 và năm 2019

*** Sáu, Huy động vốn từ các Quỹ để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội**

Giai đoạn 2010 - 2019 vốn huy động từ các Quỹ tuy chiếm tỷ trọng rất nhỏ song cũng góp phần tăng nợ phải trả, tăng tổng nguồn vốn để phát triển DNNVV.

Vậy, cơ cấu vốn nợ của DNNVV giai đoạn 2010 - 2019 thể hiện ở bảng 2.23

Bảng 2.23. Cơ cấu vốn nợ trong nợ phải trả của DNNVV trên địa bàn Hà Nội

(Đơn vị tính: %)

Năm (bình quân năm)	Nợ phải trả	Vay NHTM TCTC	Vốn tín dụng thương mại của nhà cung cấp	Trái phiếu DN	Nợ phải trả có tính chu kỳ	Vốn từ các Quỹ	Vốn thuê TS
2010-2016	100	15,97	40	0,51	40,82	0,001	2,7
2017	100	43,14	35,2	1,35	17,59	0,00789	2,7
2018	100	42,92	37,7	1,356	17,3	0,0028	2,7
2019	100	41,42	38,1	1,378	16,3	0,0022	2,9

Nguồn: Niên giám Thống kê, Sách trắng DN năm 2020 và tính toán của NCS

2.2.2. Các chỉ tiêu phản ánh thực trạng huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019

2.2.2.1. Chỉ tiêu phản ánh huy động vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

* Chỉ tiêu phản ánh thực trạng huy động vốn của từng DNNVV

- Quy mô vốn chủ sở hữu của DNNVV năm 2019 tăng 311,3% so với năm 2010
- Quy mô nợ phải trả của DNNVV năm 2019 tăng 267,94% so với năm 2010
- Hệ số vốn chủ sở hữu, hệ số nợ của DNNVV cải thiện theo hướng tăng tự chủ tài chính và DN có khả năng trang trải các khoản nợ.

* Chỉ tiêu phản ánh thực trạng huy động vốn của khu vực DNNVV: Quy mô nguồn vốn của khu vực DNNVV năm 2019 tăng 197,86% so với giai đoạn 2010 - 2015.

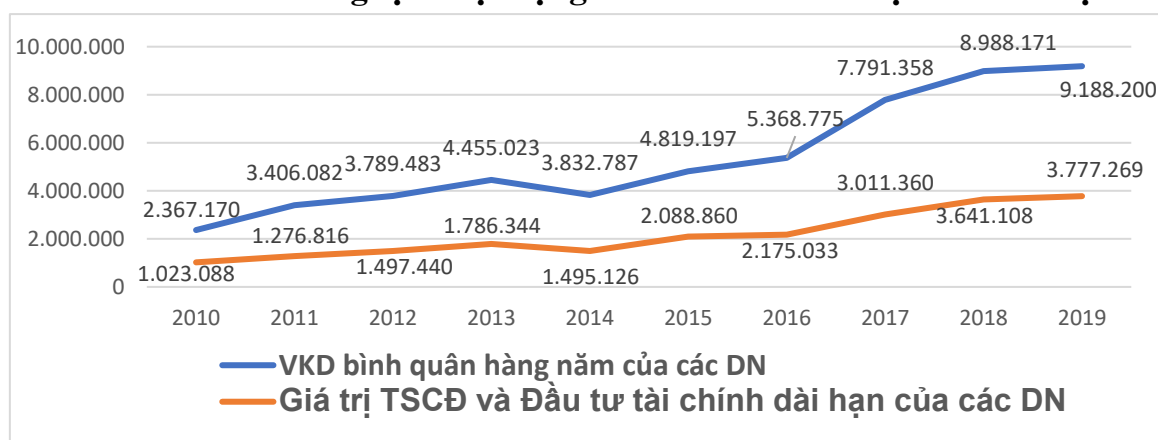
2.2.2.2. Chỉ tiêu phản ánh phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Thứ nhất, Chỉ tiêu định lượng phản ánh phát triển DNNVV

* Chỉ tiêu phản ánh phát triển từng DNNVV:

- Tổng tài sản (tổng nguồn vốn) của DNNVV tăng
- Quy mô (hay số lượng) lao động trong từng DNNVV tăng
- Năng lực và kết quả hoạt động của DNNVV trên địa bàn Hà Nội tăng

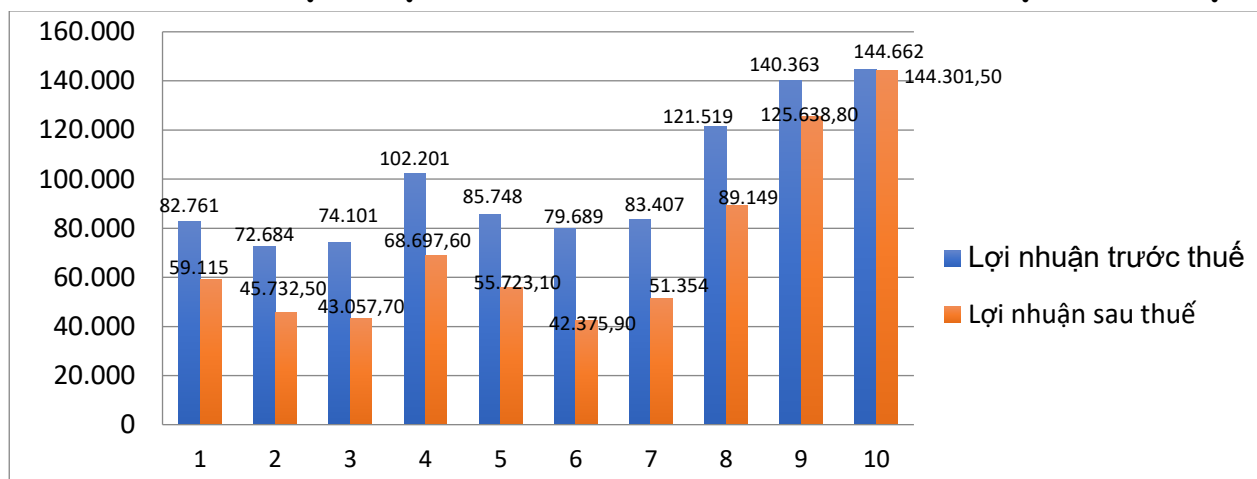
Biểu đồ 2.12. Năng lực hoạt động của DNNVV trên địa bàn Hà Nội



Nguồn: Niên giám Thống kê, Sách trắng DN năm 2020 và tính toán của NCS

Kết quả hoạt động của DNNVV trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019 thể hiện ở lợi nhuận trước thuế và sau thuế (Biểu đồ 2.13)

Biểu đồ 2.13. Lợi nhuận trước và sau thuế của DNNVV trên địa bàn Hà Nội



Nguồn: Báo cáo phát triển DNNVV Hà Nội giai đoạn 2010 - 2018 và năm 2019

Kết quả hoạt động của DNNVV giai đoạn 2010 - 2019 được thể hiện ở các chỉ tiêu tài chính: Tsv, ROS, ROA, ROE, BEP, Lv (Bảng 2.30)

Bảng 2.31. Kết quả hoạt động của DNNVV trên địa bàn Hà Nội

Đơn vị tính: %

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Tsv	3,5	2,13	1,95	2,29	2,24	1,65	1,74	2,26	2,6	2,4
ROS	3,5	2,13	1,95	2,9	2,4	1,65	1,5	2,6	3,5	3,73
ROA	2,497	1,343	1,136	1,542	1,454	0,879	0,957	1,144	1,389	1,462
ROE	5,336	2,685	2,194	2,977	2,896	1,685	1,868	2,234	2,714	2,949
BEP	3,5	2,1	1,96	2,3	2,4	1,5	1,6	1,56	1,56	1,57

Nguồn: Niên giám Thống kê, Báo cáo phát triển DNNVV Hà Nội (2010 - 2018)

* *Chỉ tiêu phản ánh phát triển khu vực DNNVV*

- Số lượng DNNVV trên địa bàn Hà Nội tăng nhanh
- Đóng góp của khu vực DNNVV trong GDP, thu NSNN và tạo việc làm tăng

Thứ hai, Chỉ tiêu định tính phản ánh phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội

* *Chỉ tiêu phản ánh phát triển từng DNNVV:*

- Trình độ quản lý, năng lực quản trị của DNNVV tăng
- DNNVV tăng thụ hưởng các chính sách của Chính phủ và thành phố Hà Nội.

* *Chỉ tiêu phản ánh phát triển khu vực DNNVV:*

- Khu vực DNNVV hoạt động hướng vào ngành, lĩnh vực Hà Nội có lợi thế
- DNNVV khu vực ngoài nhà nước ngày càng tăng

2.2.3. Môi quan hệ giữa huy động vốn và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

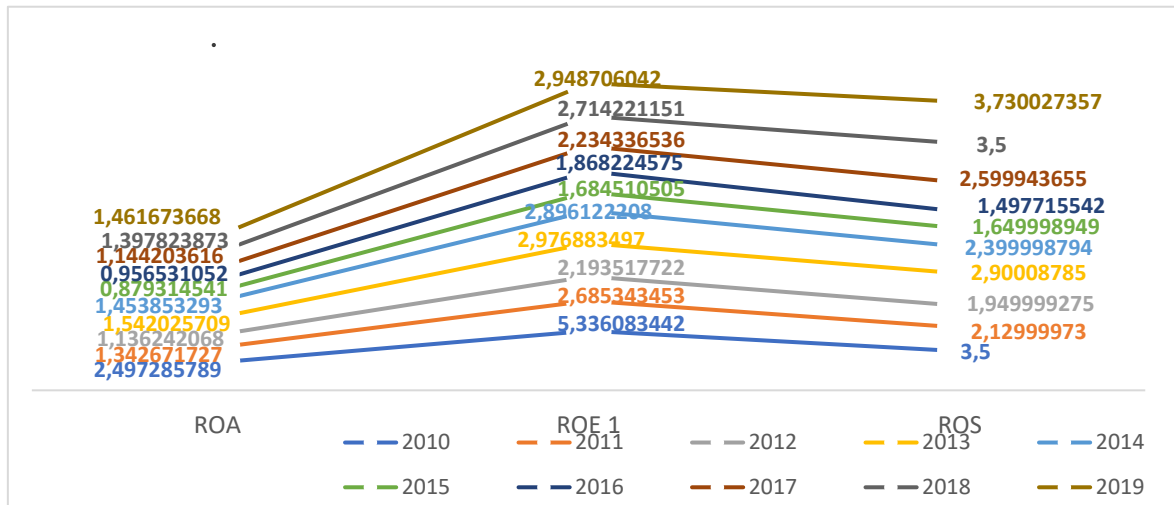
Kết quả tổng hợp các chỉ tiêu tài chính phản ánh mối quan hệ giữa kết quả huy động vốn và phát triển DNNVV trên địa bàn Hà nội giai đoạn 2010 - 2019 thể hiện ở Bảng 2.37.

Bảng 2.37. Kết quả huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng tài sản	2.367.170	3.406.082	3.789.483	4.455.023	3.832.787	4.819.197	5.368.775	7.791.358	8.988.171	9.188.200
VCSH	1.107.835	1.703.041	1.962.952	2.307.702	1.924.059	2.515.621	2.748.813	3.989.954	4.628.908	4.554.591
Tổng nguồn vốn	2.367.170	3.406.082	3.789.483	4.455.023	3.832.787	4.819.197	5.368.775	7.791.358	8.988.171	9.188.200
Nợ phải trả	1.259.335	1.703.041	1.826.531	2.147.321	1.908.728	2.303.576	2.619.962	3.801.404	4.359.263	4.633.609
Doanh thu thuần của DNNVV	1.689.000	2.147.066	2.208.088	2.368.811	2.321.797	2.568.238	3.428.822	3.428.882	3.589.680	3.600.550
Lợi nhuận sau thuế của DNNVV	59.115	45.732,50	43.057,70	68.697,60	55.723,10	42.375,90	51.354,00	89.149,00	125.638,80	134.301,50
ROA	2,497285789	1,342671727	1,136242068	1,542026	1,453853	0,8793145	0,95653105	1,1442036	1,39782387	1,4616737
ROE 1	5,336083442	2,685343453	2,193517722	2,976883	2,896122	1,6845105	1,86822458	2,2343365	2,71422115	2,948706
ROE 2	5,336083442	2,685343453	2,193517722	2,976883	2,896122	1,6845105	1,86822458	2,2343365	2,71422115	2,948706
ROS	3,5	2,12999973	1,949999275	2,900088	2,399999	1,6499989	1,49771554	2,5999437	3,5	3,7300274
Lv (Vòng quay toàn bộ vốn)	0,713510225	0,630362393	0,582688456	0,531717	0,605773	0,5329182	0,63866003	0,4400879	0,39937825	0,3918667
Hệ số nợ	0,532000237	0,5	0,482000051	0,482	0,498	0,478	0,48799996	0,4879001	0,48500001	0,5043
Hệ số vốn chủ sở hữu	0,467999763	0,5	0,517999949	0,518	0,502	0,522	0,51200004	0,5120999	0,51499999	0,4957

Phát triển DNNVV thể hiện thông qua các chỉ tiêu: lợi nhuận trước (sau) thuế, các chỉ tiêu tài chính của DNNVV (ROA, ROE, ROS, Lv...)

Biểu đồ 2.15. Quan hệ giữa ROA, ROS, ROE



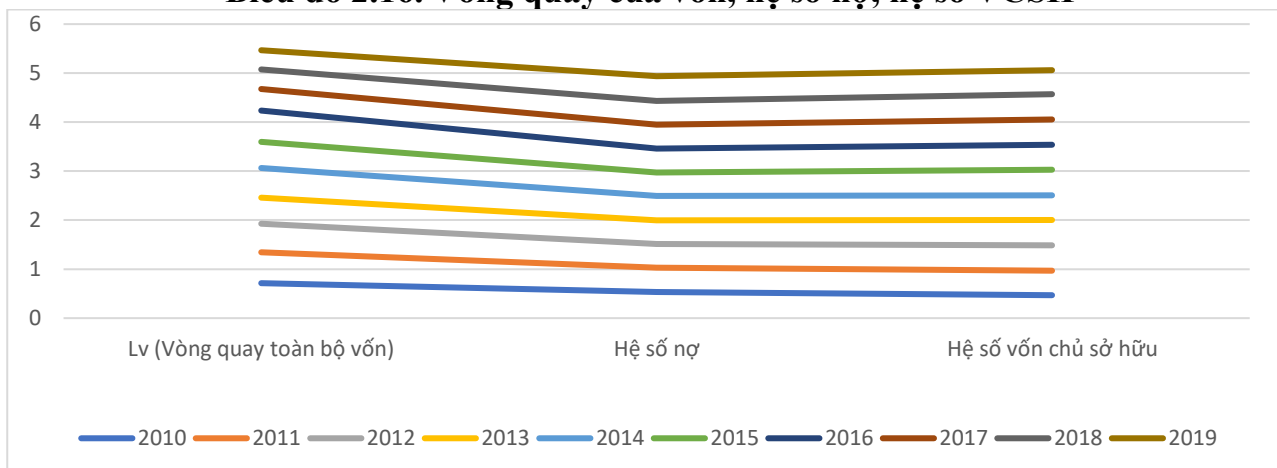
ROE là chỉ tiêu tài chính tổng hợp nhất thể hiện kết quả huy động vốn và kết quả hoạt động của DNNVV. Giai đoạn 2010 - 2019, $1,68\% < ROE < 5,3\%$, kết quả hoạt động của DNNVV không cao, DNNVV cần khai thác tốt hơn các nguồn vốn để tăng lợi nhuận.

ROS của DNNVV không cao ($1,5 < ROS < 3,73\%$), phản ánh năng lực quản lý và tiết kiệm chi phí của DNNVV tuy không cao nhưng có xu hướng tăng.

ROA của DNNVV không cao ($0,88 < ROA < 2,97$), hiệu quả khai thác và sử dụng tài sản của DN chưa cao, DN cần khai thác tốt các tài sản hiện có.

Vòng quay của toàn bộ vốn thấp ($Lv < 1$), ($0,39 < Lv < 0,71$) phản ánh hiệu suất hoạt động của tài sản cũng như mức độ sử dụng tài sản của DN chưa hiệu quả

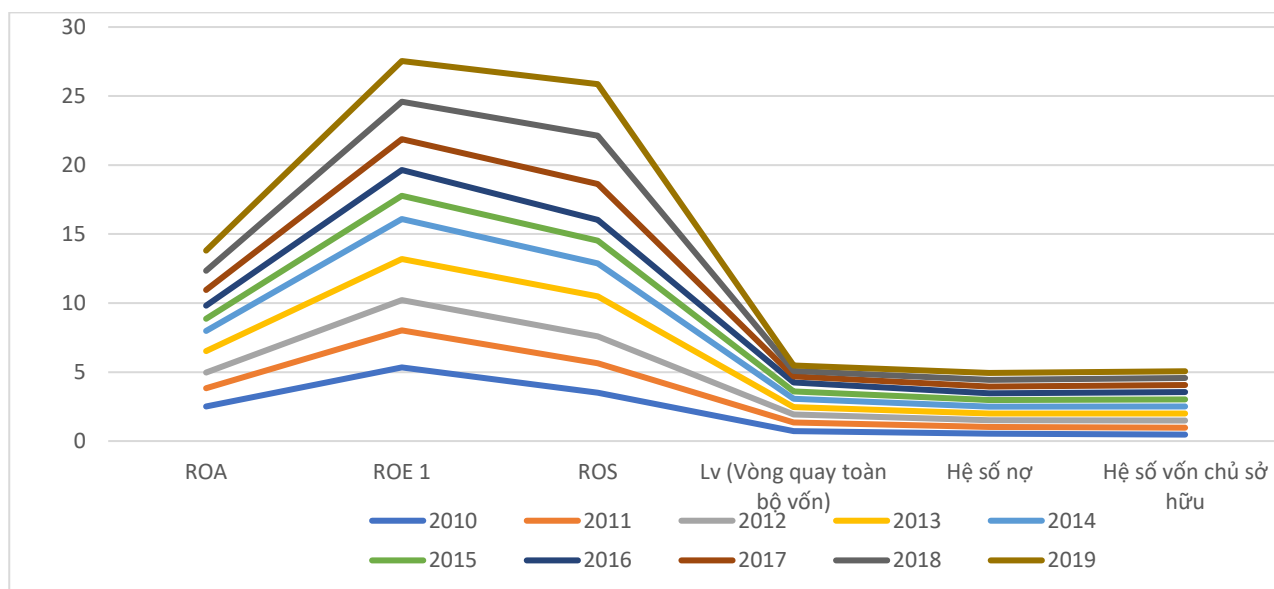
Biểu đồ 2.16. Vòng quay của vốn, hệ số nợ, hệ số VCSH



Mối quan hệ giữa ROA và ROE biểu hiện thông qua hệ số nợ. Giai đoạn 2010 - 2019, DNNVV có $0,478 < \text{hệ số nợ} < 0,53$, $\text{vốn nợ/vốn chủ sở hữu} < 1$ chứng tỏ DNNVV có rủi ro tài chính thấp song đây cũng là nguyên nhân làm cho ROE thấp, hiệu quả sử dụng đòn bẩy tài chính không cao, DNNVV chưa khai thác tốt các nguồn vốn huy động để tăng nợ phải trả, thể hiện ở biểu đồ 2.16

Bằng phương pháp thay thế liên hoàn, mô hình Dupont chỉ ra mối quan hệ giữa các chỉ tiêu tài chính phản ánh kết quả huy động vốn để phát triển DNNVV giai đoạn 2010 - 2019, thể hiện ở biểu đồ 2.17

Biểu đồ 2.17. Kết quả huy động vốn để phát triển DNNVV



Tổng hợp kết quả cho thấy, nếu so sánh năm 2019 với năm 2010:

Kết quả huy động vốn của DNNVV: Quy mô tổng nguồn vốn của DNNVV tăng 288%, quy mô vốn chủ sở hữu tăng 311%, quy mô nợ phải trả tăng 288%; VKD bình quân tăng 128%; giá trị TSCĐ và đầu tư tài chính dài hạn tăng 269%

Kết quả phát triển DNNVV: Số lượng DNNVV tăng 289%; Trang bị TSCĐ bình quân 1 lao động tăng 201%; Doanh thu thuần SXKD tăng 113%; Lợi nhuận trước thuế tăng 75%; Lợi nhuận sau thuế tăng 161%; Các chỉ tiêu tài chính phản ánh hiệu quả hoạt động của DNNVV (ROE, ROA, ROS, Lv, hệ số nợ, hệ số vốn chủ sở hữu) không cao nhưng an toàn; DNNVV hoạt động ngày càng hướng vào ngành, lĩnh vực Hà Nội có lợi thế, đó là ngành dịch vụ và công nghiệp công nghệ cao.

2.3. Đánh giá thực trạng huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019

2.3.1. Những kết quả đạt được trong huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội.

- Một là, Quy mô tổng nguồn vốn, quy mô vốn chủ sở hữu và nợ phải trả tăng
- Hai là, DNNVV phát triển nhanh về số lượng
- Ba là, Năng lực và kết quả hoạt động của DNNVV ngày càng tăng
- Bốn là, Khu vực DNNVV đóng góp ngày càng tăng vào phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội (đóng góp trong GRDP, thu NSNN, tạo việc làm)
- Năm là, DNNVV phát triển hướng vào các ngành và lĩnh vực Hà Nội có lợi thế. Đó là ngành dịch vụ và công nghiệp công nghệ cao.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019.

2.3.2.1. Hạn chế trong huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

** Thứ nhất, Hạn chế trong huy động vốn của DNNVV trên địa bàn Hà Nội*

- Quy mô tổng nguồn vốn để phát triển DNNVV hạn chế
- Khả năng huy động vốn của nhiều DNNVV từ NHTM, TCTC gặp khó khăn
- Khả năng huy động vốn từ TTCK của DNNVV trên địa bàn Hà Nội thấp
- Huy động vốn từ thuê tài sản chưa phải là kênh hấp dẫn với DNNVV
- DNNVV hạn chế tiếp cận vốn từ các Quỹ hỗ trợ của Chính phủ, Thành phố

** Thứ hai, Hạn chế trong phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội*

- DNNVV phát triển chưa bền vững. Số DNNVV thành lập và giải thể đều tăng
- Kết quả hoạt động của DNNVV không cao (ROE < 5%), DNNVV cần khai thác tốt hơn các nguồn vốn hiện có để nâng cao kết quả hoạt động SXKD.

- Khả năng quản lý, tiết kiệm chi phí của DN chưa cao ($1,5 < ROS < 3,73\%$)
- Hiệu quả khai thác, sử dụng tài sản của DNNVV thấp ($0,9 < ROA < 2,5$).
- Hiệu suất hoạt động, mức độ sử dụng tài sản thấp của DN ($0,39 < Lv < 0,71$)

2.3.2.2. Nguyên nhân hạn chế trong huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thứ nhất, Nguyên nhân chủ quan - từ chính DNNVV.

- DNNVV có $0,468 <$ hệ số vốn chủ sở hữu $< 0,512$ thể hiện tính tự chủ tài chính cao. Song khả năng huy động nợ phải trả hạn chế $0,478 <$ hệ số nợ $< 0,532$.

- DNNVV chưa đủ TSĐB, tính minh bạch, công khai trong hoạt động tài chính chưa cao, báo cáo tài chính chưa được kiểm toán theo quy định

- DNNVV có kỹ năng hoạch định chiến lược chưa cao, phương án SXKD chưa khả thi, năng lực quản trị DN hạn chế,... nên khó khăn huy động vốn.

- Khả năng tiếp cận các thông tin liên quan đến hoạt động của DNNVV chưa cao, năng lực thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Chính phủ và Thành phố hạn chế

- Khả năng liên kết giữa DNNVV với DN lớn và giữa các DNNVV chưa chặt chẽ, DNNVV chưa tham gia sâu rộng trong chuỗi giá trị

Thứ hai, Nguyên nhân khách quan.

** Nguyên nhân từ các tổ chức cung ứng vốn cho DNNVV*

- Đối với huy động vốn để phát triển DNNVV từ NHTM, TCTC:

+ NHTM, TCTC thiếu thông tin DN, không đủ tin cậy để thẩm định cho vay.

+ NHTM và TCTC chưa thật sự coi DNNVV là khách hàng thân cận.

- Đối với huy động vốn từ TTCK:

+ Các quy định của TTCK khi DN phát hành cổ phiếu, trái phiếu DN khá chặt chẽ so với năng lực thực tại của DNNVV.

+ Chưa có TTCK dành riêng cho DNNVV.

- Đối với huy động vốn từ thuê tài sản:

- + Giá vốn thuê tài sản cao hơn lãi suất khi DN vay từ NHTM, TCTC
- + Nhiều DNNVV chưa biết hoặc chưa hiểu rõ lợi ích của thuê tài sản.
- *DNNVV huy động vốn từ các Quỹ*: Chính sách bảo lãnh tín dụng cho DNNVV còn nhiều bất cập nên hỗ trợ “dàn trải” thiếu hiệu quả.
- * *Nguyên nhân từ các cơ quan quản lý nhà nước*
- *Nguyên nhân từ cơ chế chính sách của Chính phủ*:
 - + Việc ban hành các Nghị định hướng dẫn thi hành văn bản pháp luật chậm
 - + Cơ chế, chính sách của Chính phủ cho DNNVV hoạt động có "độ trễ" lớn
- *Nguyên nhân từ chính sách và triển khai thực hiện của Thành phố*
- + Thành phố chưa đánh giá kết quả triển khai các chương trình hỗ trợ DNNVV
- + Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn Hà Nội chưa nhận thức và đánh giá đúng vai trò của DNNVV, chính sách hỗ trợ chưa sát nhu cầu mà DNNVV cần

Kết luận chương 2

Chương 3

GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ PHÁT TRIỂN

DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Định hướng huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

3.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội thủ đô Hà Nội ảnh hưởng đến huy động vốn

Thủ đô Hà Nội có nhiều lợi thế mà DNNVV trên địa bàn có thể khai thác để phát triển. Đó là: Lợi thế về địa chính trị, nguồn nhân lực chất lượng cao, môi trường văn hóa, cải cách thể chế đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số “số hóa” ...

3.1.2. Định hướng huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

- DNNVV chủ động khai thác cơ hội để tăng vốn chủ sở hữu, tăng quy mô vốn
- DNNVV nâng cao năng lực huy động nợ phải trả
- DNNVV chủ động đa dạng hóa các kênh huy động vốn để tăng nợ phải trả
- Đẩy mạnh liên kết DNNVV với DN lớn và liên kết giữa các DNNVV

3.1.3. Quan điểm thực hiện giải pháp huy động vốn để phát triển DNNVV

- Huy động vốn để phát triển DNNVV là chiến lược lâu dài, nhất quán là nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của thủ đô Hà Nội
- Chủ động, tích cực thực hiện các giải pháp huy động vốn chủ sở hữu và nợ phải trả là quan điểm xuyên suốt để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội.
- Huy động tăng quy mô vốn để phát triển bền vững DNNVV trên địa bàn Hà Nội là giải pháp thường xuyên và lâu dài, là trách nhiệm của mỗi DNNVV, Chính phủ, thành phố Hà Nội và các tổ chức cung ứng vốn.
- Quán triệt quan điểm toàn diện, đồng bộ trong thực hiện các giải pháp hoàn thiện huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội.

3.2. Giải pháp huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện huy động vốn chủ sở hữu để phát triển DNNVV

3.2.1.1. Giải pháp hoàn thiện huy động tăng vốn chủ sở hữu nội sinh

Thứ nhất, Giải pháp DNNVV huy động tăng vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế

- DNNVV lựa chọn, xây dựng phương án SXKD hiệu quả, phù hợp
- Nâng cao năng lực quản trị tài chính gắn với đổi mới hệ thống quản trị nội bộ
- Nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, xây dựng, phát triển thương hiệu
- Nâng cao trình độ trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý

Thứ hai, Giải pháp DNNVV huy động tăng vốn chủ sở hữu từ phát hành thêm cổ phiếu từ chính các cổ đông hiện hữu

- DNNVV phải có chiến lược kinh doanh dài hạn, hoạt động có hiệu quả
- Để “giữ chân” cổ đông, DNNVV áp dụng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu

3.2.1.2. Giải pháp huy động tăng vốn chủ sở hữu ngoại sinh

Thứ nhất, DNNVV tăng vốn chủ sở hữu bằng kết nạp thêm thành viên mới

- DNNVV xây dựng phương hướng kinh doanh hấp dẫn các nhà đầu tư
- DNNVV cân nhắc giữa lượng vốn huy động và quy mô hoạt động

Thứ hai, DNNVV tăng vốn chủ sở hữu bằng phát hành cổ phiếu mới bán ra.

Thứ ba, DNNVV tăng vốn chủ sở hữu bằng tăng cường hợp tác, liên kết

3.2.2. Giải pháp huy động nợ phải trả để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

3.2.2.1. Giải pháp chung doanh nghiệp nhỏ và vừa huy động nợ phải trả

- DNNVV xây dựng kế hoạch huy động vốn nợ phải trả phù hợp.
- DNNVV nâng cao năng lực lập dự án và xây dựng kế hoạch SXKD
- DNNVV chuẩn bị điều kiện đáp ứng yêu cầu của các tổ chức cung ứng vốn
- DNNVV tích cực áp dụng các nguyên tắc quản trị DN hiện đại
- DNNVV chủ động tăng cường liên kết giữa các DN để tăng quy mô vốn
- Nâng cao năng lực, kỹ năng tiếp cận, huy động có hiệu quả các nguồn vốn
- Nghiên cứu nhằm tận dụng tối đa cơ hội pháp lý và các quy định hiện hành

3.2.2.2. Giải pháp cụ thể huy động nợ phải trả để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội

* Một, *Giải pháp DNNVV huy động vốn từ các NHTM, TCTC:*

- DNNVV nâng cao hiệu quả hoạt động sao cho có lãi để trả cả gốc và lãi vay
- DNNVV chủ động xây dựng bộ máy quản trị tài chính vững mạnh
- DNNVV quan tâm thiết lập mối quan hệ lành mạnh với NHTM, TCTC

* Hai, *Giải pháp DNNVV huy động vốn từ phát hành trái phiếu DN:*

- DNNVV tăng quy mô vốn đáp ứng yêu cầu vốn điều lệ tối thiểu của TTCK
- DNNVV nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD để cải thiện các chỉ tiêu tài chính
- DNNVV chủ động cung cấp các thông tin về hoạt động DN

* Ba, *Giải pháp DNNVV huy động vốn tín dụng thương mại của nhà cung cấp:*

- Đa dạng nguồn cung ứng nguyên nhiên vật liệu và trang thiết bị cho SXKD
- Lựa chọn các nhà cung cấp có uy tín, có nguồn cung ứng ổn định và tin cậy
- coi trọng quan hệ giao dịch với các nhà cung cấp truyền thống

* Bốn, *Giải pháp DNNVV huy động vốn các khoản nợ có tính chu kỳ:*

- DNNVV tạo dựng niềm tin trong quan hệ với các “chủ nợ”
- Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng vốn nợ có tính chu kỳ chưa đến kỳ hạn thanh toán để đầu tư vào tài sản ngắn hạn

- Nhà quản trị DNNVV nắm chắc yêu cầu thời hạn phải trả của mỗi khoản vay

* Năm, *Giải pháp DNNVV huy động vốn từ thuê tài sản:*

- Xác định đúng và đủ nhu cầu vốn trung, dài hạn liên quan đến vốn thuê tài sản
- DNNVV chủ động tìm kiếm, lựa chọn tài sản thuê phù hợp với kế hoạch SXKD
- DNNVV tối ưu hóa việc sử dụng tài sản thuê
- DNNVV nâng cao trách nhiệm giữ gìn, bảo quản tài sản thuê
- DNNVV thuê tài sản cần chấp hành tốt kỷ luật thanh toán

* Sáu, *Giải pháp DNNVV huy động vốn từ các Quỹ:*

- Nắm bắt và am hiểu các kênh thông tin về nguồn vốn vay ưu đãi
- Chuẩn bị các luận chứng đáp ứng yêu cầu của Quỹ
- DNNVV tích cực tham gia các hiệp hội nghề nghiệp

* Bảy, *Giải pháp DNNVV huy động các nguồn vốn khác*

3.3. Điều kiện thực hiện giải pháp huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội.

3.3.1. Đối với các tổ chức cung ứng vốn

3.3.1.1. Đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính

- NHTM, TCTC hoàn thiện cơ chế, chính sách cho vay đối với DNNVV
- Đa dạng hình thức cho vay, nâng tỷ trọng cho vay trung và dài hạn với DNNVV
- Chủ động thiết kế các khoản vay phù hợp, phát triển dịch vụ cho vay “trọn gói”
- Cải tiến thủ tục cho vay, nâng cao năng lực cán bộ thực hiện cho vay DNNVV
- Xây dựng kế hoạch mở rộng mạng lưới cho vay khách hàng DNNVV
- Xây dựng chiến lược khách hàng kết hợp thông tin quảng bá sản phẩm tín dụng
- Ứng dụng phương pháp tính điểm tín dụng trong cho vay DNNVV

3.3.1.2. Đối với thị trường chứng khoán

- Chính phủ sớm xây dựng thị trường chứng khoán dành riêng cho DNNVV
- Chính phủ triển khai, nhân rộng mô hình “nền tảng gọi vốn cộng đồng”
- Hiện thực hóa mô hình nền tảng giao dịch cổ phần của DN khởi nghiệp sáng tạo
- Chính phủ nâng cấp TTCK giúp DNNVV có khả năng huy động vốn qua TTCK

3.3.1.3. Đối với Công ty cho thuê tài chính

- Công ty cho thuê tài chính cần tăng cường tiềm lực vốn
- Đa dạng hóa các hình thức, phương thức cho thuê tài sản
- Công ty CTTC tích cực quản trị rủi ro, giảm thiểu nợ xấu
- Quảng bá rộng rãi các dịch vụ thuê tài sản đến đối tượng khách hàng DNNVV
- Công ty CTTC đẩy mạnh liên kết với NHTM để mở rộng hình thức thuê tài sản

3.3.1.4. Đối với các Quỹ đối với DNNVV huy động vốn

3.3.2. Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước

3.3.2.1. Đối với Chính phủ

- Triển khai các chính sách hỗ trợ DNNVV, cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan, hỗ trợ thuế cho DNNVV, đồng thời hỗ trợ DNNVV chuyển đổi số
- Phát triển cân bằng thị trường tài chính, nhất là TTCK
- Triển khai hiệu quả Luật hỗ trợ DNNVV, các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, bộ, ngành đối với các DNNVV.

3.3.2.2. Đối với Ngân hàng nhà nước

- NHNN tiếp tục thực hiện điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt
- Phối hợp với các Bộ, ngành, thành phố triển khai chính sách hỗ trợ DNNVV
- Hoàn thiện phát triển thị trường vốn thông qua đẩy nhanh cổ phần hóa DNNN
- Khuyến khích NHTM, TCTC dành tỷ lệ dư nợ tín dụng cho DNNVV cao hơn

3.3.2.3. Đối với thành phố Hà Nội

- Thành phố mở rộng các kênh huy động vốn đa dạng để phát triển DNNVV
- Xây dựng quy chế cho DNNVV huy động vốn bằng áp dụng mô hình huy động vốn cộng đồng (CFM)
- Thành phố tích cực triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ DNNVV
- Thành phố định kỳ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện hỗ trợ vốn cho DNNVV

3.3.2.4. Đối với Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội

- Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về lợi ích và nghĩa vụ của minh bạch thông tin hoạt động DN cho các DNNVV
- Định kỳ tổ chức hội thảo, đào tạo chuyên môn về tài chính kế toán, quản trị
- Hiệp hội DNNVV thành phố Hà Nội phải là tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp, chính đáng của DNNVV

Kết luận chương 3

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh phát triển nền KTTT hội nhập và tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, phát triển DNNVV được coi là khâu đột phá đóng góp quan trọng đối với tăng trưởng, phát triển kinh tế của đất nước và Hà Nội.

Những năm qua, DNNVV trên địa bàn Hà Nội đã và đang ngày càng đóng góp quan trọng đối với phát triển kinh tế, ổn định xã hội của Thủ đô. Phát triển DNNVV được UBND Thành phố coi là nhiệm vụ “trọng tâm” đột phá tạo nên tăng trưởng, phát triển kinh tế Thủ đô. Huy động vốn nhằm tăng quy mô vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội là vấn đề có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Đề tài luận án: “*Huy động vốn để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội*” của NCS đã đạt được một số kết quả sau:

Thứ nhất, Hoàn thiện hơn lý luận huy động vốn, lý luận phát triển DNNVV, huy động vốn để phát triển DNNVV. Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá phát triển DNNVV, huy động vốn để phát triển DNNVV.

Thứ hai, Phác họa bức tranh thực trạng huy động vốn nói chung, huy động chủ sở hữu và nợ phải trả để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019. Đánh giá kết quả huy động vốn để phát triển DNNVV thông qua các chỉ tiêu định lượng và định tính. Trên cơ sở đó chỉ ra hạn chế, nguyên nhân hạn chế trong huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội.

Thứ ba, Từ chiến lược phát triển thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, luận án đưa ra định hướng huy động vốn, quan điểm thực hiện giải pháp huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội. Trên cơ sở đó, luận án xây dựng giải pháp hoàn thiện huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030, đồng thời đề xuất điều kiện để thực hiện giải pháp từ các tổ chức cung ứng vốn và các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Với tinh thần nghiêm túc và trách nhiệm trong nghiên cứu, NCS hy vọng kết quả của luận án sẽ đóng góp nhằm hoàn thiện hơn lý luận và thực tiễn đối với huy động vốn để phát triển DNNVV trên địa bàn Hà Nội trong những năm tới.

CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Ngô Thị Hương Thảo (2017), “Phát triển kinh tế tư nhân ở nước ta hiện nay - Những bất cập và giải pháp”, T/C Nghiên cứu tài chính kế toán số 04(165)2017 Tr 61-64
2. Ngô Thị Hương Thảo (2017), “Những rào cản và giải pháp để phát triển kinh tế tư nhân ở nước ta trong thời kỳ hội nhập”, T/C Nghiên cứu tài chính kế toán số 06(167)2017 Tr 49-51
3. Ngô Thị Hương Thảo (2019), “Tháo gỡ khó khăn về vốn tín dụng cho doanh nghiệp tư nhân”, T/C Nghiên cứu tài chính kế toán số 01(186)2019 Tr 17-24
4. Ngô Thị Hương Thảo (2020), “Nâng cao khả năng tiếp cận các nguồn vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa”, T/C Nghiên cứu tài chính kế toán số 02(199)2020 Tr 66-70
5. Ngô Thị Hương Thảo (2020), “Capital sources of small and medium enterprises in Hanoi - Actual situation and solutions”, Journal of finance & Accounting Research NUMBER 01 (7) - 2020
6. Ngô Thị Hương Thảo, Hà Quý Tình (2020), “Tác động của đại dịch covid - 19 đối với phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội và giải pháp tháo gỡ”, Hội thảo khoa học quốc gia: “Covid -19 - Tác động và phản ứng chính sách - Học viện Tài chính”
7. Hà Quý Tình, Ngô Thị Mai Linh, Ngô Thị Hương Thảo, (2019) “Huy động nguồn lực tài chính từ kinh tế tư nhân nhằm phát triển kinh tế xã hội ở nước ta”, Sách chuyên khảo, giấy xuất bản số 372 ngày 21/01/2019, cục xuất bản phát hành
8. Ngô Thị Hương Thảo, Hà quý Tình, (2021), “Sustainable Development of small and medium enterprises in the context of globalization” , Proceedings the thiro international conference on the (Hội thảo khoa học quốc tế)